

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG CHÀ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2024/HNGĐ- ST

Ngày: 05/9/2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG CHÀ, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Hoàng và ông Khoàng Văn Hặc

- Thư ký phiên tòa: Ông Phìn Đại Quảng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên;

Ngày 05 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Vàng Thị N; Sinh năm 1976.

Địa chỉ: Bản L, xã H, huyện M, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Hồ Sông D; Sinh năm 1975

Địa chỉ: Bản L, xã H, huyện M, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt).

- Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Lý A Ch - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Vàng Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Bà N và ông D tổ chức kết hôn theo phong tục địa phương và về chung sống với nhau từ năm 2000 nhưng không đi đăng ký kết hôn. Sau khi chung sống hạnh phúc đến năm 2004 thì mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong làm ăn kinh tế, hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm, xô xát với nhau. Hai vợ chồng cũng được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Đến tháng 12 năm 2023 thì đã sống ly thân nhau. Nay bà N xét thấy không thể chung sống được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho hai vợ chồng, chấm dứt mối quan hệ giữa hai ông bà.

Về con chung: Bà N và ông D có bốn con chung là cháu Hồ Thị X sinh ngày 03/10/2001, Hồ A S sinh ngày 01/11/2002, Hồ A V sinh ngày 16/3/2005, Hồ Thị L sinh ngày 03/3/2015. Các cháu Hồ Thị X, Hồ A S, Hồ A V đã trưởng thành

và có khả năng lao động nên bà N không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu Hồ Thị L bà N đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ: Bà N, ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết bị đơn, ông Hồ Sông D trình bày:

Về hôn nhân: Ông D và bà N tổ chức kết hôn theo phong tục địa phương và về chung sống với nhau từ năm 2000 nhưng không đi đăng ký kết hôn. Sau khi chung sống hạnh phúc được vài năm thì nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, không cùng nhau phát triển kinh tế, thường xuyên cãi vã chửi nhau, hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không được, từ tháng 11 năm 2023 đã ly thân với nhau, hiện không còn quan tâm đến nhau. Nay bà N đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn thì ông D cũng không có ý kiến gì, đề nghị giải quyết theo quy định, không công nhận là vợ chồng giữa hai người.

Về con chung: Hai vợ chồng có bốn con chung là cháu Hồ Thị X sinh ngày 03/10/2001, Hồ A S sinh ngày 01/11/2002, Hồ A V sinh ngày 16/3/2005, Hồ Thị L sinh ngày 03/3/2015. Các cháu Hồ Thị X, Hồ A S, Hồ A V đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu Hồ Thị L, ông D cũng nhất trí bà N đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân của bà N có xác nhận của chính quyền địa phương thể hiện nội dung như bà N trình bày. Cháu Hồ Thị L có đơn trình bày nguyện vọng muốn được ở với bà N. Bà N, ông D có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa do bận công việc.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Tòa án xem xét tình trạng thực tế của ông D, bà N giải quyết không công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa bà N và ông D, giao cháu Liên cho bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của cháu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 15/7/2024 bà Vàng Thị N nộp đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con tại Tòa án nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên đối với ông Hồ Sông D, nơi đăng ký thường trú: Bản L, xã H, huyện M, tỉnh Điện Biên. Bà N có quyền yêu cầu giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và được Tòa án thụ lý theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Ngày 18/7/2024, bà N được Tòa án chấp nhận miễn nộp tạm ứng án phí, cùng ngày Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà N theo Điều 195 BLTTDS.

- Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa bà Vàng Thị N và ông Hồ Sông D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân

dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

- Các vấn đề khác: Bà N, ông D đều có đơn đề nghị tòa xét xử vắng mặt nên hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt bà N, ông D.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

Về hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy việc bà N, ông D tuy có đủ điều kiện kết hôn nhưng chung sống với nhau từ năm 2000 đến nay vẫn không đăng ký kết hôn là không thực hiện theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Nay bà N thấy không thể chung sống được với nhau nữa và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Tòa án đã thụ lý đơn ly hôn và thông báo cho hai ông bà đến Tòa án để hòa giải đoàn tụ và hướng dẫn đăng ký kết hôn theo qui định nhưng không thành. Ông D và bà N đều khẳng định không còn tình cảm với nhau, cùng đồng ý ly hôn nên việc trở về đoàn tụ, thực hiện việc đăng ký kết hôn là không thể. Hội đồng xét xử thấy rằng việc hai ông bà chung sống mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà N và ông D để chấm dứt mối quan hệ này.

Về con chung: Xét thấy hai ông bà có bốn con chung là cháu Hồ Thị X sinh ngày 03/10/2001, Hồ A S sinh ngày 01/11/2002, Hồ A V sinh ngày 16/3/2005, Hồ Thị L sinh ngày 03/3/2015. Các cháu Hồ Thị X, Hồ A S, Hồ A V đã trưởng thành và có khả năng lao động bà N, ông D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập. Đối với cháu Hồ Thị L bà N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, ông D cũng nhất trí giao cho bà N, cháu Liên cũng có nguyện vọng được ở với bà N. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng căn cứ Điều 15, Điều 58, Điều 69, các khoản 1, 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 giáo cháu Liên cho bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là hợp lý, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu. Về cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

Về tài sản và nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[3] Án phí: Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án cho bà N được miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của mình vì bà N là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 69, các khoản 1, 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Vàng Thị N và ông Hồ Sông D.

2. Về con chung: Giao cháu Hồ Thị L sinh ngày 03/3/2015 cho bà Vàng Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động hoặc đến khi có thay đổi khác. Không đề cập giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Các quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84 và 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Các con chung Hồ Thị X, Hồ A S, Hồ A V đã trưởng thành và có khả năng lao động bà N, ông D không yêu cầu giải quyết, hội đồng xét xử không đề cập.

3. Về tài sản và nợ: Không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Bà Vàng Thị N được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND HMC;
- UBND xã H;
- Chi cục THADS HMC;
- Tòa án tỉnh DB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Ngọc